

Số: 762/BC-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO
Về việc thực hiện Quy chế công khai năm 2025 (Báo cáo thường niên)

Kính gửi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Mẫu Báo cáo thường niên tại Phụ lục II kèm theo Thông tư.

Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM kính gửi Báo cáo thường niên năm 2025 trên cơ sở dữ liệu HEMIS và các biểu thống kê được chốt chủ yếu đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. (Báo cáo đính kèm)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Lê Quan

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI

Mã trường: **QST**

Năm báo cáo: 2025

(số liệu tính đến 31/12/2025, cập nhật trên HEMIS)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Thực hiện Quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Mẫu báo cáo thường niên tại Phụ lục II kèm theo Thông tư;

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo thường niên năm 2025 trên cơ sở dữ liệu HEMIS và các biểu thống kê được chốt chủ yếu đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

Nội dung	Thông tin
Tên cơ sở giáo dục	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
Tên sử dụng trong giao dịch	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM
Mã trường	QST
Loại hình	Công lập
Vị trí trong hệ thống	Trường đại học thành viên của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
Năm thành lập	1996
Trình độ đào tạo cao nhất	Tiến sĩ
Trụ sở	227 Nguyễn Văn Cừ, phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ sở đào tạo khác	Cơ sở tại phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh; các địa điểm/công trình khác theo dữ liệu HEMIS

1. Sứ mạng, tầm nhìn và định hướng hoạt động

Trường thực hiện chức năng đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ; cung cấp nguồn nhân lực và đội ngũ chuyên gia trình độ cao; thực hiện nghiên cứu, chuyển giao và phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế - xã hội. Nội dung sứ mạng, tầm nhìn khi công bố chính thức cần đối chiếu nguyên văn với văn bản chiến lược đang còn hiệu lực của Trường.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
1	Tỉ lệ người học quy đổi/giảng viên	36,45	Chưa có số liệu đã tính trong bộ nguồn	Ngưỡng Chuẩn CSGD: ≤ 40

TT	Chỉ số	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	84,37%	Chưa có số liệu đã tính trong bộ nguồn	Ngưỡng: $\geq 70\%$
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	53,64%	Chưa có số liệu đã tính trong bộ nguồn	302/563 giảng viên toàn thời gian; ngưỡng: $\geq 40\%$

2. Cơ cấu đội ngũ

Chỉ tiêu	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Tổng
Giảng viên toàn thời gian	22	239	302	563
Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	1	184	290	475
Giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	1	170	281	452

Nhóm	Tổng số	Nữ	Tiến sĩ trở lên/Ghi chú
Ban Giám hiệu	4	0	3
Cán bộ hành chính, nghiệp vụ	306	156	23
Nhân viên	142	50	0
Giảng viên cơ hữu	468	204	278 tiến sĩ/TSKH; 8 GS, 61 PGS
Giảng viên thỉnh giảng	245	83	102 tiến sĩ/TSKH; 5 GS, 15 PGS

Về tuổi, nhóm 30-49 tuổi có 385/468 giảng viên cơ hữu (khoảng 82,3%); nếu tính toàn bộ giảng viên dưới 50 tuổi thì là 404/468 (khoảng 86,3%). Nhóm từ 55 tuổi trở lên có 17 người, khoảng 3,6%. Cơ cấu này cho thấy đội ngũ tương đối trẻ nhưng yêu cầu phát triển trình độ, chức danh và năng lực nghiên cứu cần được đặt song song với kế hoạch tăng quy mô đào tạo.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số chính

TT	Chỉ số	Năm 2025	Đánh giá theo Chuẩn CSGD
1	Diện tích sàn xây dựng/người học	2,65 m ²	Không đạt ngưỡng $\geq 2,8$ m ²
2	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	80,3%	Đạt ngưỡng $\geq 70\%$
3	Số đầu sách/ngành đào tạo	1.293,18	Đạt ngưỡng ≥ 40

TT	Chỉ số	Năm 2025	Đánh giá theo Chuẩn CSGD
4	Số bản sách/người học	50,6	Đạt ngưỡng ≥ 5
5	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	12,76%	Đạt ngưỡng $\geq 10\%$
6	Tốc độ Internet/1.000 người học	360,2 Mbps	Đạt ngưỡng ≥ 100 Mbps

2. Quy mô cơ sở vật chất

Hạng mục	Số liệu năm 2025
Tổng diện tích đất khai báo phục vụ tính chuẩn	438.410 m ²
Tổng diện tích sàn xây dựng	97.618,4 m ²
Diện tích sàn quy đổi phục vụ đào tạo (hệ số 0,7)	68.332,9 m ²
Phòng học	200 phòng / 17.984,53 m ² ; 100% kiên cố
Phòng thí nghiệm	151 phòng / 16.037,03 m ²
Thư viện/Trung tâm học liệu	5 địa điểm / 9.633 m ²
Nguồn sách	76.369 đầu sách in; 49.069 đầu sách điện tử

Chỉ số diện tích sàn xây dựng/người học thiếu 0,15 m² so với ngưỡng tối thiểu 2,8 m². Đây là chỉ số không đạt trong nhóm chỉ số Chuẩn cơ sở giáo dục được cung cấp. Khi quy mô người học tiếp tục tăng, việc đưa công trình mới vào khai thác cần được theo dõi bằng chỉ số diện tích sàn quy đổi/người học thay vì chỉ theo tổng diện tích xây dựng.

Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trung ương ước thực hiện năm 2025 là 101.518,79 triệu đồng. Bộ dữ liệu chưa có danh mục chi tiết từng hạng mục đầu tư theo mẫu công khai; cần Phòng Kế hoạch - Tài chính và đơn vị quản trị cơ sở vật chất xác nhận trước khi phát hành bản công khai chính thức.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục
- Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ giáo dục và Đào tạo (MOET).
- Mức độ đạt kiểm định: 107/111 tiêu chí đạt (96.4%).
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 23 tháng 12 năm 2022 đến ngày 23 tháng 12 năm 2027.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
01	7460101	Toán học	Toán học	ASIIN	24/3/2023 - 30/9/2028
02	7440102	Vật lý học	Vật lý học	ASIIN	24/3/2023 - 30/9/2028
03	7520207	Kỹ thuật điện tử viễn thông	Kỹ thuật điện tử viễn thông	ASIIN	24/3/2023 - 30/9/2028
04	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	AUN-QA	12/01/2010 - 11/01/2014
				ASIIN	22/3/2024 - 30/9/2029
05	7480104	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin	ASIIN	22/3/2024 - 30/9/2029
06	7480101	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính	ASIIN	22/3/2024 - 30/9/2029
07	7480101	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính (Chương trình tiên tiến)	AUN-QA	10/10/2021 - 09/10/2026
08	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Kỹ thuật phần mềm	ASIIN	22/3/2024 - 30/9/2029
09	7440301	Khoa học Môi trường	Khoa học Môi trường	ASIIN	22/3/2024 - 30/9/2030
10	7510406	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	ASIIN	22/3/2024 - 30/9/2030
11	7440201	Địa chất học	Địa chất học	ASIIN	22/3/2024 - 30/9/2030
12	7440228	Hải dương học	Hải dương học	ASIIN	22/3/2024 - 30/9/2030
13	7440112	Hoá học	Hoá học	AUN-QA	24/12/2016 - 23/12/2020
				ASIIN	06/12/2024 - 17/01/2026
14	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	Công nghệ kỹ thuật hoá học	ASIIN	06/12/2024 - 17/01/2026
15	7420101	Sinh học	Sinh học	AUN-QA	05/10/2017 - 04/10/2022
				ASIIN	06/12/2024 - 17/01/2026
16	7420201	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học	AUN-QA	12/10/2019 - 11/10/2024
				ASIIN	06/12/2024 - 17/01/2026
17	8420201	Công nghệ sinh học (Thạc sĩ)	Công nghệ sinh học (Thạc sĩ)	AUN-QA	12/11/2018 - 11/11/2023
18	8440122	Khoa học vật liệu (Thạc sĩ)	Khoa học vật liệu (Thạc sĩ)	AUN-QA	23/01/2023 - 22/01/2028
19	7440122	Khoa học vật liệu	Khoa học vật liệu	AUN-QA	04/01/2021 - 03/01/2026
				ASIIN	12/12/2025 - 21/01/2027
20	7510402	Công nghệ vật liệu	Công nghệ vật liệu	ASIIN	12/12/2025 - 21/01/2027

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
21	7460112	Toán ứng dụng	Toán ứng dụng	ASIIN	12/12/2025 - 30/9/2031
22	7460117	Toán tin	Toán tin	ASIIN	
23	7460108	Khoa học dữ liệu	Khoa học dữ liệu	ASIIN	
24	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	Kỹ thuật hạt nhân	ASIIN	26/9/2025 - 17/10/2026
25	7520403	Vật lý y khoa	Vật lý y khoa	ASIIN	
26	7440107	Công nghệ vật lý điện tử và tin học	Công nghệ vật lý điện tử và tin học	ASIIN	

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Quy mô, tuyển mới và tốt nghiệp

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Biến động
Quy mô người học cuối năm	20.802	19.645	+5,9%
Chỉ tiêu tuyển sinh	6.632	6.297	+5,3%
Nhập học mới	5.715	5.168	+10,6%
Tỉ lệ nhập học	86,17%	82,07%	+4,10 điểm %

Trình độ	Tuyển mới	Quy mô	Tốt nghiệp	Nữ tốt nghiệp
Đại học	4.727	17.852	3.225	1.209
Thạc sĩ	895	2.606	423	196
Tiến sĩ	93	344	28	11
Tổng cộng	5.715	20.802	3.676	1.416

2. Đối chiếu một số chỉ số Chuẩn cơ sở giáo dục

Chỉ số	Ngưỡng	Thực tế 2025	Kết quả
Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	$\geq 50,0\%$	81,8%	Đạt
Tỉ số tăng/giảm quy mô đào tạo 3 năm	$\geq -30,0\%$	22,9%	Đạt
Tỉ lệ thôi học	$\leq 10,0\%$	4,56%	Đạt
Tỉ lệ thôi học năm đầu	$\leq 15,0\%$	4,14%	Đạt
Tỉ lệ tốt nghiệp	$\geq 60,0\%$	78,4%	Đạt
Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	$\geq 40,0\%$	51,6%	Đạt

Chỉ số	Ngưỡng	Thực tế 2025	Kết quả
Người học hài lòng với giảng viên	$\geq 70,0\%$	87,5%	Đạt
Người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	$\geq 70,0\%$	81,5%	Đạt
Người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	$\geq 70,0\%$	80,5%	Đạt

Lưu ý thẩm định: chỉ số “tỉ số tăng/giảm quy mô đào tạo 3 năm” 22,9% là chỉ số do hệ thống Chuẩn cơ sở giáo dục tính theo công thức chuyên biệt; không nên diễn giải là mức tăng thô của quy mô 2023-2025. Quy mô thực tế tăng từ 17.803 người năm 2023 lên 20.802 người năm 2025, tương đương khoảng 16,8%.

3. Cơ cấu và quốc tế hóa người học

Theo Biểu 12-GDDH, quy mô đại học tập trung chủ yếu ở các khối khoa học sự sống, khoa học tự nhiên, toán - thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật và kỹ thuật. Báo cáo theo độ tuổi ghi nhận 14.531/17.852 sinh viên đại học ở nhóm 18-21 tuổi, tương đương khoảng 81,4%.

Số người học nước ngoài năm 2025 chỉ có 02 người trong bộ dữ liệu riêng về người học nước ngoài: 01 sinh viên đại học và 01 học viên, không có nghiên cứu sinh nước ngoài. Tỉ trọng này khoảng 0,01% tổng quy mô 20.802 người học, cho thấy quốc tế hóa người học là điểm cần ưu tiên cải thiện.

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Chỉ số	Ngưỡng Chuẩn CSGD	Thực tế 2025	Kết quả
Tỉ trọng thu khoa học - công nghệ/tổng thu	$\geq 5,0\%$	8,4%	Đạt
Số công bố khoa học/giảng viên	$\geq 0,6$	1,84	Đạt
Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	$\geq 0,3$	1,80	Đạt

Kết quả/nhiệm vụ	Số lượng	Ghi chú
Nhiệm vụ KH&CN lũy kế trên HEMIS	862	Bộ dữ liệu ghi nhận toàn bộ ở nhóm đề tài KH&CN
Công bố WoS/Scopus năm 2025	1.018	Tất cả lĩnh vực
Bài báo HĐGSNN ngoài WoS/Scopus	1	Quy đổi 1
Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích	3	Quy đổi 15 theo bảng Chuẩn CSGD
Tổng kết quả quy đổi	1.034	Từ 1.022 kết quả thống kê

Kết quả/nhiệm vụ	Số lượng	Ghi chú
Bài báo khoa học lũy kế trên bảng cập nhật HEMIS	5.413	Khác phạm vi với số công bố năm 2025
Sách đã xuất bản lũy kế	53	Theo bảng cập nhật HEMIS
Tài sản trí tuệ lũy kế	20	Theo bảng cập nhật HEMIS

Hoạt động hợp tác quốc tế trên bảng cập nhật HEMIS ghi nhận 16 tổ chức hợp tác, 45 hội nghị/hội thảo, 05 thỏa thuận hợp tác, 03 đề án/dự án/chương trình, 27 giảng viên được cử đi đào tạo và 13 giảng viên được cử đi giảng dạy ở nước ngoài. Hợp tác doanh nghiệp ghi nhận 15 trường hợp đã hợp tác và 14 trường hợp đang hợp tác. Các số liệu này phản ánh hoạt động hợp tác tương đối rộng nhưng chưa chuyển hóa tương xứng thành quy mô người học quốc tế.

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Kết quả thu - chi hoạt động

Chỉ tiêu (tỉ đồng)	2025	2024	Biến động
Tổng thu hoạt động	784,62	634,06	+23,7%
Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước	59,50	42,33	+40,6%
Thu giáo dục và đào tạo	676,70	547,32	+23,6%
Trong đó: học phí, lệ phí	597,61	476,58	+25,4%
Thu khoa học và công nghệ	48,42	44,41	+9,0%
Tổng chi hoạt động	762,50	585,16	+30,3%
Chi lương, thu nhập	344,20	308,59	+11,5%
Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	372,02	236,65	+57,2%
Chi hỗ trợ người học	45,77	39,41	+16,1%
Chênh lệch thu - chi	22,12	48,90	-54,8%
Tỉ lệ chênh lệch thu - chi/tổng thu	2,82%	7,71%	-4,89 %

2. Ngân sách nhà nước năm 2025

Khoản mục	Ước thực hiện 2025 (triệu đồng)
Chi đầu tư từ NSNN trung ương	101.518,79
Chi thường xuyên - tổng số	502.740,13
Trong đó: nguồn NSNN trực tiếp	28.541,00
Trong đó: nguồn phí, lệ phí để lại	457.876,00
Nguồn khác trong giáo dục đại học	12.847,00

Tổng thu năm 2025 tăng 23,7% so với năm 2024 nhưng tổng chi tăng 30,3%, làm biên chênh lệch thu - chi giảm từ 7,71% còn 2,82%. Riêng chi cơ sở vật chất và dịch vụ tăng 57,2%; trong dữ liệu Chuẩn CSGD, nhóm “chi phí chung và chi khác” tăng từ 10,62 tỉ đồng lên 81,34 tỉ đồng. Đây là tín hiệu cần phân tích chi tiết nguyên nhân tăng chi, tách chi một lần và chi thường xuyên, đồng thời thiết lập ngưỡng cảnh báo tài chính khi quyết định mở rộng quy mô.

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC VÀ KIẾN NGHỊ QUẢN TRỊ

Trên cơ sở thẩm định dữ liệu năm 2025, Trường đạt phần lớn các chỉ số của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được cung cấp; tổng hợp nguồn hiện có cho thấy 26/27 chỉ số đạt, chỉ số chưa đạt thuộc nhóm cơ sở vật chất. Để bảo đảm chất lượng và tính bền vững của giai đoạn tiếp theo, cần tập trung các nhiệm vụ sau:

- Ưu tiên hoàn thiện năng lực cơ sở vật chất, theo dõi đồng thời tiến độ dự án, diện tích sàn quy đổi phục vụ đào tạo và chỉ số diện tích/người học; không chỉ theo dõi tổng vốn đầu tư hoặc tổng diện tích xây dựng.
- Kiểm soát tốc độ tăng chi hoạt động, đặc biệt chi cơ sở vật chất, dịch vụ và chi phí chung; xây dựng báo cáo phân tích biến động chi định kỳ để phục vụ quyết định mở rộng quy mô và tự chủ tài chính.
- Phát triển đội ngũ theo năng lực chứa đào tạo: duy trì tỉ lệ người học quy đổi/giảng viên dưới ngưỡng, đồng thời nâng tỉ lệ tiến sĩ, chức danh và năng lực nghiên cứu của giảng viên cơ hữu.
- Xây dựng chương trình quốc tế hóa người học có chỉ tiêu đầu ra cụ thể; theo dõi phễu tuyển sinh quốc tế từ hợp tác, chương trình giảng dạy bằng ngoại ngữ, hồ sơ tuyển sinh đến nhập học thực tế.
- Chuẩn hóa quản trị dữ liệu HEMIS theo nguyên tắc “một chỉ tiêu - một định nghĩa - một nguồn chính - một ngày chốt - một đơn vị chịu trách nhiệm”, đặc biệt với người học, đội ngũ, tuyển sinh và tài chính.
- Hoàn tất cập nhật hồ sơ kiểm định cơ sở giáo dục, danh mục chương trình đào tạo được kiểm định, danh mục dự án đầu tư và phân loại nhiệm vụ KH&CN trước khi công bố bản chính thức.

STT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu	Khó khăn, vướng mắc (nếu có)	Ghi chú
NỘI DUNG 1. NÂNG CAO HIỆU QUẢ, HIỆU LỰC QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC						
1	Phát huy tự chủ để nâng cao hiệu quả quản trị đại học	100% VC-NLĐ được đánh giá định kỳ theo bộ tiêu chí. Bộ tiêu chí đánh giá được rà soát, cập nhật hằng năm theo đề xuất của các đơn vị trong nhà trường và VC-NLĐ.	Đã tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của VC-NLĐ theo vị trí việc làm. Đã hoàn thành việc đánh giá, xếp loại chất lượng VC-NLĐ đợt 1, năm 2025 với 100% VC-NLĐ được đánh giá theo bộ tiêu chí. Đang triển khai đánh giá đợt 2 năm 2025.	100%	- Đã xây dựng bộ tiêu chí theo từng nhóm đối tượng có vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng. Tuy nhiên với đặc thù đa dạng của đội ngũ, nhiều tiêu chí vẫn chưa phản ánh đúng tính chất công việc của từng vị trí, cần tiếp tục hoàn thiện. - Việc thu thập minh chứng về kết quả thực hiện nhiệm vụ chưa có hệ thống dữ liệu ghi nhận đầy đủ và thống nhất.	
		Thực hiện kế hoạch tinh gọn tổ chức từ quý I/2025. Tinh gọn ít nhất 15% bộ máy. Đánh giá các vị trí không hiệu quả hoặc chồng lặp chức năng để thực hiện giảm biên chế.	Tinh gọn 20% bộ máy	Vượt 100%		
		Tuyển mới tối thiểu 5 tiến sĩ chương trình VNU350	Năm 2025: Đã ký hợp đồng làm việc với 17 tiến sĩ (06 TS theo chương trình VNU350: - Khoa Toán – Tin học: 02 - Khoa Hóa học: 01 - Khoa VL-VLKT: 03	50%		
		Thí điểm hỗ trợ cho 10 tiến sĩ (tương tự chính sách của chương trình VNU350).	Chưa thực hiện			

STT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu	Khó khăn, vướng mắc (nếu có)	Ghi chú
		Tối thiểu 10 Thạc sĩ đang làm việc tại Trường tham gia chương trình Nghiên cứu sinh	Đợt Tháng 7/2025: 03 NCS Đợt Tháng 10/2025: đăng ký 11 NCS	Vượt 100%		
		Tuyển tối thiểu 10 nhân sự theo chương trình Giáo sư thỉnh giảng	Đã mời 20 Giáo sư thỉnh giảng. - Khoa Toán – Tin học: 04 - Khoa CNTT: 08 - Khoa Sinh học - CNSH: 03 - Khoa VL-VLKT: 03 - K. ĐTVT: 01 - K. Hóa học: 01	Vượt 100%		
		Ban hành chính sách khen thưởng dựa trên kết quả nghiên cứu, giảng dạy, sáng kiến đóng góp cho nhà trường.	Chưa thực hiện			
2	Chuyển đổi số	- Triển khai hệ thống dashboard tối thiểu gồm 5 phân hệ (mảng công tác nhân sự, tài chính, đào tạo, NCKH, người học); - Áp dụng hỗ trợ trong việc ban hành quyết định cho tối thiểu 70% từ Quý III/2025	- Đã tích hợp 4/5 phân hệ vào hệ thống chung (công tác nhân sự, đào tạo, NCKH, người học). Đã triển khai thí điểm hệ thống Odyssey để quản lý dữ liệu chung, và quản lý việc chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống tại Trường. - Chưa hoàn thành việc áp dụng hỗ trợ trong việc ban hành quyết định cho tối thiểu 70% từ Quý III/2025	80%		
		- 90% dữ liệu cần thiết cho Trường được các đơn vị cung cấp đủ theo định kỳ. - Bộ quy định chuẩn hóa dữ liệu nghiệp vụ toàn Trường.	- Dữ liệu nhân sự, người học và nghiên cứu khoa học đã được tổng hợp vào hệ thống chung. - Chưa ban hành Bộ quy chuẩn dữ liệu	50%		

STT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu	Khó khăn, vướng mắc (nếu có)	Ghi chú
		Rà soát và bổ sung tối thiểu 3 hệ thống quản lý tại các phòng chức năng, đảm bảo kết nối với hệ thống dashboard của Trường trong năm 2025.	- Tối ưu hóa hệ thống Portal, phục vụ đồng thời trên 5000 sinh viên. - Xây dựng mới hệ thống khảo sát ý kiến người học - Xây dựng mới hệ thống đăng ký học phần Sau đại học - Hoàn thiện hệ thống Research và phân hệ Scopus để cải tiến quản lý NCKH	100%		
3	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng thông tin	Chuyển toàn bộ 100% dữ liệu sang hệ thống lưu trữ mới	Đã chuyển lên cloud 80% dữ liệu và hệ thống chính của Trường	80%		
		Sự hài lòng của VC-NLĐ và người học về mạng internet của trường tăng tối thiểu 10% so với năm 2024	Đã thực hiện khảo sát ý kiến lần 1 trong năm 2025. Trong tháng 11/2025 thực hiện khảo sát lần 2.		Quy trình phê duyệt kinh phí, đấu thầu rất chậm khi triển khai đề án “Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản trị, lưu trữ tập trung giai đoạn 2025 - 2027”.	
NỘI DUNG 2. ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG						
1	Cải tiến công tác tuyển sinh ĐH và SDH	Đại học: Triển khai thực hiện đề án tuyển sinh ĐH năm 2025 đáp ứng các quy định và yêu cầu trong tình hình mới. Tăng 5% chỉ tiêu tuyển sinh đại học so với năm 2024	- Tuyển đạt chỉ tiêu và tuyển đúng thí sinh phù hợp; Tăng 9,7% chỉ tiêu tuyển sinh đại học so với năm 2024. - Năm 2024: 4.163 - Năm 2025: 4.563	100%		

STT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu	Khó khăn, vướng mắc (nếu có)	Ghi chú
		Sau đại học: Tăng 5% chỉ tiêu tuyển sinh so với năm 2024	Tình hình tuyển sinh năm 2024/ 2025: 1. Thạc sĩ: Chỉ tiêu: 1.375 / 1300 Dự thi: 1.121 / 1546 (tăng 37,91%) Trúng tuyển: 794 / chưa xét Nhập học: 757 / chưa xét 2. Tiến sĩ Chỉ tiêu: 212 /237 Dự thi: 86 / 94 (tăng 9,3%) Trúng tuyển: 85 / chưa xét Nhập học: 84 / chưa xét	Vượt chỉ tiêu đăng ký về qui mô tuyển sinh. Tỷ lệ trúng tuyển khả năng bị hạn chế về chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành.	Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành nên rất khó đạt chỉ tiêu đã đăng ký vì bậc ĐH có một số ngành đặc thù khó tuyển (Hải dương, Khí tượng, Địa chất, SLTV, v.v.) nhưng vẫn duy trì vì nhu cầu xã hội cần. Bên cạnh đó các ngành đang có nhu cầu cao trong XH thu hút khá nhiều người học nhưng chỉ tiêu bị giới hạn vì vậy tỉ lệ cạnh tranh dự tuyển khá cao.	
2	Phát triển cải tiến chương trình đào tạo	Tuyển sinh các CTĐT liên ngành, liên trường bậc ĐH; Hoàn thành đề án mở ngành và thực hiện tuyển sinh.	Đã hoàn thành đề án mở ngành và thực hiện tuyển sinh; Chỉ tiêu 2 CTĐT mới gồm: Công nghệ GD (63TS nhập học/65 chỉ tiêu); Kinh tế đất đai nằm trong nhóm ngành Địa chất học: 100 TS nhập học/100 chỉ tiêu)	100%		
		Tuyển sinh chương trình ĐTTX ngành KHDL. Hoàn thành đề án mở ngành và thực hiện tuyển sinh. 50 SV trúng tuyển và nhập học.		0%		

STT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu	Khó khăn, vướng mắc (nếu có)	Ghi chú
		- Hoàn thành đề án mở ngành các CTĐT vi mạch- bán dẫn và thực hiện tuyển sinh - 02 đề án mở ngành được thông qua - Tuyển được tối thiểu 70% chỉ tiêu 2 CTĐT	- 03 Đề án mở ngành về CTĐT Vi mạch- bán dẫn (2 đề án tiến sĩ; 1 đề án thạc sĩ) đã được ĐHQG-HCM phê duyệt HĐ thẩm định đề án và HĐ sẽ họp vào ngày 29/10/2025 - Tuyển sinh: đã được ĐHQG-HCM duyệt 10 chỉ tiêu cho mỗi ngành tiến sĩ; 25 chỉ tiêu thạc sĩ cho năm 2025	Vượt 100%		
3	Xây dựng CTĐT ngành chính, ngành phụ	Hoàn thành quy trình đăng ký ngành phụ. Triển khai đào tạo 4 CTĐT ngành phụ		20%	Đã xây dựng quy định, đã có kế hoạch triển khai nhưng hiện tại có nhiều khó khăn chưa triển khai được, như là: Chưa có hệ thống quản lý đào tạo cho loại hình này; Một số khoa đang xây dựng CTĐT (Khoa Địa chất và Khoa VL-VLKT); Phòng học hiện nay khó khăn trong việc đáp ứng số lượng các lớp học chính quy; Khả năng tiếp thu kiến thức cơ bản giữa SV của ngành chính và ngành phụ không đồng đều, việc này sẽ gây khó khăn cho giảng viên trực tiếp giảng dạy nên một số khoa còn cân nhắc...	
4	Nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động hỗ trợ người học.	Giảm 10% sinh viên thôi học.	Tỷ lệ SV thôi học 2.97 % <i>(Tính trên quy mô 18.621 SV (bao gồm tất cả SV còn trong thời gian đào tạo 8 năm))</i>	100%		
		Giúp SV có nền tảng sức khỏe tinh thần tốt nhất từ đó nâng cao được năng lực học tập, nghiên cứu	- Tổ chức 05 hội thảo chăm sóc sức khỏe tinh thần cho người học. - Tổ chức 03 lớp tập huấn dành cho đội ngũ hỗ trợ	100%		

[illegible]

STT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu	Khó khăn, vướng mắc (nếu có)	Ghi chú
1	1000 công bố thuộc cơ sở dữ liệu Scopus	Tăng cường công bố Scopus đạt 1000 bài	- Đã công bố 747 bài Scopus - Dự kiến giao 193 đề tài NCKH cấp cơ sở với mức kinh phí thực hiện tương xứng với công bố - Tổ chức các hội thảo quốc tế gắn kết với công bố Scopus về Vật lý, Điện tử, CNTT - Triển khai thực hiện các đề tài ĐHQG-HCM: 13 đề tài B, 35 đề tài C, và các đề tài theo các chương trình (8 đề tài chương trình Toán, 2 Vật Lý, 6 theo 562, 18 đề tài CNSH, 18 đề tài ĐMST-AI) 2 đề tài tài Nafosted, 2 đề tài Sở KHCN - Hỗ trợ kiểm tra trùng lặp tiếng Anh	74,7%	+ Hệ thống lưu trữ tài liệu số hóa (Báo Scopus) chưa đáp ứng nhu cầu. + Quy định tài chính cần hỗ trợ hơn nữa cho các nhà khoa học. + Tốc độ công bố của Tạp chí PT KH&CN cũng như một số số đặc biệt của các tạp chí Scopus còn chậm.	
		Tăng cường đăng ký sở hữu trí tuệ	Nộp 13 đơn sáng chế, 5 giải pháp hữu ích, 21 quyền tác giả, 3 nhãn hiệu	Vượt 100%		
		Phát triển phòng thí nghiệm	+ Hoàn thành và đưa vào sử dụng 2 PTN của Khoa CNTT tại cơ sở 2 (kinh phí 70 tỷ đồng) + Tiếp nhận 60 tỷ trang thiết bị phục vụ nghiên cứu cho các mảng vật lý hóa học, vật liệu, CNSH, trái đất + Tiếp nhận 40 tỷ trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu cho mảng thiết kế vi mạch trong 11/2025	Vượt 100%		
2	Tăng doanh thu từ hoạt động KHCN	Hỗ trợ các đơn vị trong tìm kiếm và thực hiện các hợp đồng nghiên cứu KH bên ngoài, các dịch vụ KHKT, CGCN	Viện tế bào gốc và Trung tâm tin học thực hiện các hợp đồng với các địa phương và các công ty, bệnh viện...	100%	Đề tài địa phương bị chậm do qua trình sáp nhập các Sở và sáp nhập địa phương	
		Tăng nguồn thu từ các địa phương, công ty, quỹ	2 đề tài Vingroup (Lê Đức Hùng, Phạm Kim Ngọc), nhiều học bổng tài trợ chương trình post-doc và nghiên cứu sinh	100%		
3	Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	Các hoạt động của người học	Các cuộc thi S-ideas, Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học, Giải thưởng Eureka, Giải thưởng Quả cầu vàng của cán bộ trẻ... các hoạt động học thuật của các đơn vị chuyên môn	100%		

STT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu	Khó khăn, vướng mắc (nếu có)	Ghi chú
		+ Thúc đẩy hoạt động cung cấp dịch vụ KHCN và CGCN tại U-Sci. Hub. + Thành lập CLB/Không gian Khởi nghiệp-Đổi mới sáng tạo dành cho SV; + Kết hợp hoạt động KN-ĐMST với các hoạt động hỗ trợ ngoại khóa	Hoạt động cung cấp liên kết với doanh nghiệp, hỗ trợ tạo dịch vụ KHCN và CGCN tại U-Sci. Hub	70%	Chưa thành lập CLB/Không gian Khởi nghiệp - Đổi mới sáng tạo dành cho SV	
4	Xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh theo chủ trương ĐHQG-HCM	Có các nhóm được đầu tư bởi ĐHQG-HCM	4 + 1 nhóm nghiên cứu của Trường đã và đang được đầu tư/xem xét đầu tư: Nguyễn Thị Thanh Mai, Trần Hoàng Phương, Nguyễn Trung Nhân, Đặng Thị Phương Thảo, Trần Văn Hiếu	100%		
		Có các nhóm được đầu tư bởi Quỹ Nafosted	Có các nhóm được đầu tư bởi Quỹ Nafosted: Lê Hoài Bắc, Trần Thanh Lân, Nguyễn Lý Sỹ Phú.	100%		
NỘI DUNG 4. TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP						

STT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu	Khó khăn, vướng mắc (nếu có)	Ghi chú
1	Chủ động kết nối phát triển cộng đồng	Thực hiện các MoU/MoA	- Nhà trường đã thực hiện ký kết 05 Biên bản ghi nhớ (MoU/MoA) và 01 hợp đồng hợp tác với các đối tác doanh nghiệp trong nước. - Cuộc thi Giải pháp sáng tạo Robot (ROBOCUS): Cuộc thi do Câu lạc bộ Robotics & IoT của Trường tổ chức, là sân chơi trí tuệ dành cho sinh viên đam mê công nghệ, góp phần lan tỏa tinh thần sáng tạo, tinh thần phục vụ cộng đồng và quảng bá hình ảnh của Trường đến với xã hội. - Ký kết các thỏa thuận tài trợ thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực nghiên cứu khoa học của Nhà trường; - Tổ chức các hội thảo quốc tế và trong nước, tạo diễn đàn trao đổi học thuật, kết nối chuyên gia, giảng viên và sinh viên trong các lĩnh vực chuyên môn. - Hoạt động chủ động kết nối phát triển cộng đồng trong năm được đánh giá hoàn thành tốt.	100%		

STT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu	Khó khăn, vướng mắc (nếu có)	Ghi chú
2	Dự án kết nối địa phương	Thực hiện các dự án hợp tác với địa phương	- Dự án “Thiết kế và thi công mạch quản lý nạp xả bộ lưu trữ” do Công ty TNHH Mặt trời đỏ Long An tài trợ, thực hiện từ tháng 6/2024 – tháng 6/2025 - Dự án “Sàng lọc chủng Bacillus sản xuất lipopeptide kháng nấm và bước đầu thử nghiệm quy trình điện biến nạp, tiền đề cho nghiên cứu biến đổi gen tăng năng suất lipopeptide” do Chi Nhánh Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau – Trung tâm Nghiên cứu Phát triển tài trợ, thực hiện từ tháng 12/2024 đến tháng 3/2025; - Dự án “Bộ dấu ấn miễn dịch cho ung thư vú bằng kỹ thuật peptide microarrays” do Viện Nghiên cứu Y sinh tài trợ, thực hiện trong 24 tháng (25/6/2025-25/6/2027)	100%		

STT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu	Khó khăn, vướng mắc (nếu có)	Ghi chú
3	Tăng cường phát triển các dự án quốc tế	Thực hiện các dự án hợp tác với các đối tác quốc tế	- Dự án “A study on Multimodal and Multilingual Automated Fact Check and Reducing Hallucination in LLMs with Direct Preference Optimization” do Asian Office of Aerospace Research and Development tài trợ, thực hiện từ tháng 3/2025-6/2025; - Dự án “Khám phá đa dạng sinh học và tài nguyên cá ngựa (Hippocampus spp.) tại Côn Đảo, Việt Nam” do The Rufford Foudation tài trợ, thực hiện trong 12 tháng (từ 3/2025 đến 3/2026); - Dự án “Khảo sát ban đầu hướng tới nghiên cứu về phát triển bền vững trong bối cảnh phát triển nhanh chóng tại Đảo Lý Sơn, Việt Nam” do Quỹ IFS (International foundation for science), Thụy Điển tài trợ, thực hiện từ tháng 6/2025 – tháng 9/2025. - Đã ban hành 10 qui trình ISO	100%		
4	Tăng cường trao đổi quốc tế	Tiếp nhận sinh viên quốc tế đến học từ 3 tháng trở lên	Trường đã tiếp nhận 11 sinh viên quốc tế đến thực tập và chương trình trao đổi sinh viên. Hoạt động này góp phần tăng cường hợp tác học thuật quốc tế, tạo môi trường học tập đa văn hóa và giúp sinh viên, giảng viên của Trường mở rộng cơ hội giao lưu, trao đổi kinh nghiệm quốc tế.	100%		
NỘI DUNG 5. PHÁT TRIỂN CƠ SỞ VẬT CHẤT						
1	Đầu tư xây dựng và nâng cấp hạ tầng CSVC phục vụ đào tạo & NCKH					

STT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu	Khó khăn, vướng mắc (nếu có)	Ghi chú
1.1	Rà soát điều kiện thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Nhà TN.B4-2 Các Khoa, Bộ môn và Phòng thí nghiệm giai đoạn 2	Hoàn thành rà soát và triển khai đúng quy định, đảm bảo tính khả thi đầu tư	Đã hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư và khởi công thi công công trình ngày 03/9/2025, dự kiến 30/4/2025 hoàn thành công trình.	100%		
1.2	Đầu tư PTN trọng điểm theo các lĩnh vực chiến lược (AI, bán dẫn, vật liệu mới, năng lượng tái tạo)	Ít nhất 01 PTN trọng điểm được đầu tư, đưa vào khai thác	Hoàn thành đầu tư trang thiết bị Dự án Dự án “Phòng thí nghiệm Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và khai thác cơ sở dữ liệu an toàn thông tin phục vụ đô thị thông minh” .	100%		
2	Sửa chữa KTX – 135B Trần Hưng Đạo	Phê duyệt BCKTKT; Lựa chọn nhà thầu thi công	Lập, xin ý kiến phương án sửa chữa KTX 135B Trần Hưng Đạo.		KTX còn có các hộ dân chưa di dời. Do vướng giải phóng mặt bằng và chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dẫn đến chưa thể triển khai các thủ tục về đầu tư xây dựng. Đang xem xét phương án sửa chữa.	
3	Hoàn thiện pháp lý về đất đai và phát triển CSVC tại KĐT ĐHQG-HCM					
3.1	Xác lập ranh giới đất tại cơ sở 1	Hồ sơ hoàn tất xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đã báo cáo UBND Quận 5 và Ban BTGPMB Quận 5; UBND phường Chợ Quán xin hướng dẫn thủ tục thực hiện việc di dời các hộ dân trong khuôn viên Nhà trường. Đang trao đổi phương án với Trường ĐH SP.		Cần có sự thống nhất về phương án ranh đất của Trường ĐH SP. Cần có sự hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.	
3.2	Phát triển CSVC tại cơ sở 2	Tối thiểu 01 dự án hạ tầng được triển khai tại KĐT ĐHQG-HCM	Đang triển khai công trình Hàng rào đường Isaac Newton	100%		

STT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu	Khó khăn, vướng mắc (nếu có)	Ghi chú
4	Sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê	Thực hiện đề án Sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê. Tổ chức đấu giá lựa chọn đơn vị thuê	- Nhà thầu trúng đấu giá cung cấp dịch vụ giữ xe cơ sở 1+2, căn tin cơ sở 2, trạm BTS, máy bán hàng tự động triển khai thực hiện hợp đồng. - Hạng mục căn tin tại cơ sở 1 chưa thể tổ chức đấu giá khai thác do đang xem xét phương án sửa chữa	90%		
NỘI DUNG 6. PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH						
1	Tối ưu hóa và phát triển nguồn thu	Ban hành quy định về thu chi và quy chế phối hợp để triển khai phục vụ hiệu quả các khóa đào tạo ngắn hạn. Tăng nguồn thu từ các hoạt động đào tạo ngắn hạn và CGCN đạt bình quân từ 2%/năm	Đã tham mưu xây dựng khung quy chế phối hợp tài chính; mô hình vận hành các khóa đào tạo ngắn hạn được chuyển hướng sang Trung tâm Phát triển Thương hiệu và Kết nối Cộng đồng phụ trách điều phối.		Mô hình tổ chức hoạt động đào tạo ngắn hạn đang trong giai đoạn chuyển giao sang Trung tâm Phát triển Thương hiệu và Kết nối Cộng đồng, chưa ổn định, dẫn đến khó thống nhất quy trình thực hiện.	
		Đề án giá dịch vụ đào tạo và KHKT được phê duyệt	Đã hoàn thiện dự thảo đề án và gửi công văn xin ý kiến góp ý ĐHQG-HCM về Đề án Định mức kinh tế kỹ thuật về giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng tại trường. Hiện đề án đã nhận được phản hồi góp ý và đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt chính thức.	100%		

STT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Kết quả thực hiện	Đánh giá mức độ hoàn thành so với mục tiêu	Khó khăn, vướng mắc (nếu có)	Ghi chú
2	Sử dụng hiệu quả nguồn thu	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ 2025	Đã ban hành quy chế Chi tiêu nội bộ năm 2025	100%	Việc ban hành chậm hơn dự kiến do có nhiều thay đổi liên quan đến các Nghị định, Thông tư, hướng dẫn mới, cần thời gian rà soát và xin ý kiến chỉ đạo từ cơ quan chủ quản để đảm bảo tính pháp lý và phù hợp thực tiễn.	
		Tăng cường hoạt động kiểm toán nội bộ theo quy định: 25% viên chức quản lý được tập huấn KTNB; 25% đơn vị chức năng đc kiểm toán	- Đã tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức nền tảng về kiểm toán nội bộ cho 100% viên chức quản lý và chuyên viên phụ trách tài chính tại các khoa, phòng chức năng. - Kiểm toán nội bộ các đơn vị: Chưa thực hiện trong năm 2025. Hiện đang lập kế hoạch kiểm toán nội bộ cho năm 2026, dự kiến ban hành kế hoạch chi tiết vào tháng 12/2025.	100%		

Báo cáo này được lập trên cơ sở các tệp dữ liệu đã được cung cấp. Những nội dung chưa đủ căn cứ trong bộ nguồn được ghi rõ để đơn vị chuyên môn bổ sung, không suy đoán hoặc tự tạo số liệu nhằm bảo đảm tính chính xác và khả năng truy xuất khi công khai.

Nơi nhận:

- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đơn vị thuộc Trường có liên quan;
- Công khai theo quy định;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



★ **Trần Lê Quan**